



# PHIẾU DỮ LIỆU AN TOÀN

## 1. Nhận dạng

<b>Thông tin quan trọng</b>	*** Bảng dữ liệu an toàn này chỉ dành cho HP sử dụng với các sản phẩm HP Chính hãng. Mọi hành vi sử dụng trái phép Bảng dữ liệu an toàn này đều bị nghiêm cấm và có thể dẫn đến hành động pháp lý do HP thực hiện. ***
<b>Mã định danh sản phẩm</b>	CLT-R806K
<b>Các hình thức nhận dạng khác</b>	Không có.
<b>Công dụng đề nghị</b>	HP Developer
<b>Các giới hạn đề nghị</b>	Chưa được biết.
<b>Thông tin về Nhà Sản Xuất/Nhập Khẩu/Cung Cấp/Phân Phối</b>	Hewlett-Packard Vietnam Ltd. Suite 1002, 29 Lê Duẩn, Saigon Tower, tầng 10, District 1, Ho Chi Minh city, Ho Chi Minh (Sai Gon), Việt Nam
<b>Điện Thoại</b>	+84437245550
<b>HP Inc. health effect line</b>	
<b>(Toll-free within US)</b>	1-800-457-4209
<b>(Direct)</b>	1-760-710-0048
<b>HP Inc. Customer Care Line</b>	
<b>(Toll-free within the US)</b>	1-800-474-6836
<b>(Direct)</b>	1-208-323-2551
<b>Email:</b>	hpcustomer.inquiries@hp.com

## 2. Nhận diện các hiểm họa

<b>Hiểm Họa Vật Lý</b>	Không được phân loại.
<b>Hiểm Họa Cho Sức Khỏe</b>	Không được phân loại.
<b>Các hiểm họa cho môi trường</b>	Không được phân loại.
<b>Các thành phần của nhãn</b>	
<b>Ký hiệu hiểm họa</b>	Không có.
<b>Từ cảnh báo</b>	Không có.
<b>Công bố hiểm họa</b>	Không có dữ liệu.
<b>Thông điệp đề phòng</b>	
<b>Phòng Ngừa</b>	Không có dữ liệu.
<b>Ứng phó</b>	Không có dữ liệu.
<b>Bảo Quản</b>	Không có dữ liệu.
<b>Thải bỏ</b>	Không có dữ liệu.
<b>Các hiểm họa khác không cần phải được phân loại</b>	Cacbon đen được phân loại theo IARC là chất gây ung thư Nhóm 2B (chất có thể gây ung thư cho người). Cacbon đen trong chế phẩm này, do dạng thức liên kết, không có nguy cơ gây ung thư này. Đioxit titan được IARC phân loại là chất gây ung thư Nhóm 2B, nghĩa là chưa có bằng chứng đầy đủ về tính gây ung thư của đioxit titan ở con người, nhưng có bằng chứng đầy đủ về tính gây ung thư của chất này ở động vật thí nghiệm. Đioxit titan trong giai đoạn chuẩn bị này, do dạng liên kết của nó, không gây rủi ro về bệnh ung thư. Không có thành phần nào trong số các thành phần khác trong chế phẩm này được phân loại là chất gây ung thư theo ACGIH, EU, IARC, MAK, NTP hoặc OSHA.
<b>Thông tin thêm</b>	Không có.

## 3. Thành phần/ thông tin về các phụ liệu

<b>Các hỗn hợp</b>			
<b>Các thành phần không nguy hiểm</b>			
Tên Hóa Chất	Tên thông dụng và từ đồng nghĩa	Số CAS / Số EC	%
Vật liệu và đồ gốm sứ, hóa chất		Độc quyền 266-340-9	<95%

Các thành phần không nguy hiểm			
Tên Hóa Chất	Tên thông dụng và từ đồng nghĩa	Số CAS / Số EC	%
Nhựa Polyeste	Nhựa Polyeste	Độc quyền -	<10%
Silic dioxyt vô định hình		Độc quyền 272-697-1	<1%
Chất nhuộm màu đen		Độc quyền -	<1%
Titan dioxyt		13463-67-7 236-675-5	<1%

#### 4. Các biện pháp sơ cứu

<b>Hít phải</b>	Đưa người này ra nơi có không khí trong lành ngay lập tức. Nếu vẫn còn kích ứng, hãy tham vấn bác sĩ.
<b>Tiếp xúc với da</b>	Rửa thật kỹ vùng bị ảnh hưởng bằng xà phòng và nước. Nhận chăm sóc y tế nếu kích ứng phát triển hoặc vẫn còn.
<b>Tiếp xúc với mắt</b>	Không dụi mắt. Ngay lập tức xả rửa bằng một lượng lớn nước ấm và sạch (áp suất thấp) trong thời gian ít nhất là 15 phút hoặc cho đến khi loại bỏ được các hạt. Nếu vẫn còn kích ứng, hãy tham vấn bác sĩ.
<b>Ăn phải</b>	Rửa miệng bằng nước. Uống một đến hai cốc nước. KHÔNG gây nôn. Tìm bác sĩ chăm sóc ngay lập tức.
<b>Các triệu chứng/tác dụng quan trọng nhất, cấp tính và chậm xuất hiện</b>	Khó thở. Ho.

#### 5. Các biện pháp cứu hỏa

<b>Các chất chữa cháy phù hợp</b>	ABC powder, bột và nước. Bột chịu alcol.
<b>Chất chữa cháy không phù hợp</b>	Không dùng vòi phun nước.
<b>Hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất</b>	Như hầu hết các vật liệu hữu cơ ở dạng bột, mực bột có thể tạo ra hỗn hợp khí bột nổ khi được phát tán ở dạng mịn trong không khí.
<b>Trang bị bảo hộ đặc biệt cho nhân viên chữa cháy</b>	Sử dụng thiết bị thở tự điều khiển và quần áo bảo hộ. Mang thiết bị bảo hộ đầy đủ kể cả kính chống hóa chất và bao tay.
<b>Các chỉ dẫn/trang thiết bị cứu hỏa</b>	Nếu xảy ra cháy trong máy in, hãy xử lý như cháy điện.
<b>Các biện pháp cụ thể</b>	Chưa được xác định.

#### 6. Các biện pháp xử lý rò rỉ bất ngờ

<b>Các biện pháp đề phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp</b>	Tránh hít phải bụi. Rửa cẩn thận sau khi xử lý phần tràn đổ. Xem Mục 8 của Bản Thông Tin An Toàn Vật Liệu về về Trang Thiết Bị Bảo Hộ Cá Nhân. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Đưa ngay nạn nhân ra khỏi nguồn tiếp xúc. Nhân viên cấp cứu phải mang thiết bị thở tự điều khiển.
<b>Phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch</b>	Thải bỏ tuân theo các quy định của liên bang, tiểu bang và địa phương. Từ từ hút hoặc quét vật liệu vào túi hoặc bình chứa có nắp kín. Làm sạch phần còn lại bằng vải ẩm hoặc máy hút bụi. Nếu sử dụng máy hút bụi, mô-tơ phải là loại được xếp hạng chống nổ bụi. Bột mịn có tạo ra hỗn hợp bụi khí dễ nổ.
<b>Các biện pháp đề phòng cho môi trường</b>	Tránh phát tán bụi hoặc các vật liệu bị ô nhiễm. Không xả vào cống rãnh, kênh rạch hoặc xuống đất.

#### 7. Thao tác và bảo quản

<b>Các biện pháp đề phòng cho thao tác an toàn</b>	Sử dụng biện pháp hút thoát khí tại chỗ. Sử dụng các biện pháp phòng ngừa phóng tĩnh điện. Chỉ sử dụng ở những nơi thông thoáng. Cột chặt thùng chứa khi vận chuyển vật liệu. Tránh hít phải bụi và tránh tiếp xúc với da và mắt. Tránh xa nơi có nhiệt quá cao, tia lửa hoặc ngọn lửa trần.
<b>Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi tính chất tương kỵ</b>	Giữ xa tầm tay của trẻ em. Rửa tay sau khi thao tác. Không ăn, uống, hút thuốc khi sử dụng. Cởi bỏ quần áo bị ô nhiễm và rửa da cẩn thận bằng xà phòng và nước sau khi làm việc. Giữ đóng chặt và khô ráo. Bảo quản ở nhiệt độ trong phòng.

#### 8. Kiểm soát việc tiếp xúc / bảo hộ cá nhân

Các giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp			
Việt Nam. Các Giới Hạn Tiếp Xúc Nghề Nghiệp (OEL)			
Thành phần	Loại	Giá trị	Dạng
Chất nhuộm màu đen	STEL	7 mg/m <sup>3</sup>	
	TWA	3.5 mg/m <sup>3</sup>	
Titan dioxyt (CAS 13463-67-7)	STEL	10 mg/m <sup>3</sup>	Bụi có thể hít vào đường hô hấp.

**Việt Nam. Các Giới Hạn Tiếp Xúc Nghề Nghiệp (OEL)**

Thành phần	Loại	Giá trị	Dạng
	TWA	6 mg/m <sup>3</sup>	Bụi có thể hít vào đường hô hấp.
		5 mg/m <sup>3</sup>	Bụi có thể hít vào phổi.

**Các Ngưỡng Giới Hạn của Hiệp Hội Vệ Sinh Công Nghiệp Hoa Kỳ (ACGIH), Hoa Kỳ**

Thành phần	Loại	Giá trị	Dạng
Chất nhuộm màu đen	TWA	3 mg/m <sup>3</sup>	Phần có thể hít.
Titan dioxyt (CAS 13463-67-7)	TWA	10 mg/m <sup>3</sup>	

**Các giá trị giới hạn sinh học** Không có giới hạn tiếp xúc sinh học nào đáng lưu ý cho (các) thành phần.

**Các hướng dẫn đối với phơi nhiễm** 5 mg/m<sup>3</sup> (Cỡ hạt có thể hít thở) 3 mg/m<sup>3</sup> (Hạt có thể hít thở)

**Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp** Sử dụng tại khu vực thông khí tốt.

**Các biện pháp bảo vệ cá nhân, như trang bị bảo hộ cá nhân**

**Biện pháp bảo vệ mắt/mặt** Đeo kính an toàn có gờ chắn bên (hoặc kính bảo hộ).

**Bảo vệ da**

**Bảo vệ tay**

Nên sử dụng găng tay cao su. Rửa tay sau khi thao tác.

**Khác**

Phải mặc trang phục bảo hộ.

**Bảo vệ đường hô hấp**

Không cần thiết bị bảo vệ đường hô hấp cá nhân trong điều kiện sử dụng bình thường.

**Các hiểm họa nhiệt**

Không có dữ liệu.

**Các lưu ý vệ sinh chung**

Đề xa thực phẩm, thức uống và thức ăn gia súc. Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và ngay sau khi thao tác với sản phẩm.

**9. Tính chất lý hóa**

<b>Ngoại Quan</b>	Bột mịn
<b>Trạng thái vật lý</b>	Chất Rắn.
<b>Dạng</b>	rắn
<b>Màu</b>	Đen.
<b>Mùi</b>	Không mùi
<b>Ngưỡng phát hiện mùi</b>	No information available
<b>pH</b>	Không áp dụng
<b>Điểm chảy/điểm đông</b>	No information available
<b>Điểm và vùng nhiệt độ sôi ban đầu</b>	Không áp dụng
<b>Điểm chớp cháy</b>	Không áp dụng
<b>Tốc độ bay hơi</b>	Không có dữ liệu.
<b>Khả năng cháy (rắn, khí)</b>	Không có dữ liệu.
<b>Giới hạn cháy trên/dưới hoặc các giới hạn nổ</b>	
<b>Giới hạn cháy - dưới (%)</b>	Not flammable
<b>Giới hạn cháy - trên (%)</b>	Không có dữ liệu.
<b>Giới hạn nổ - dưới (%)</b>	Không có dữ liệu.
<b>Giới hạn nổ - trên (%)</b>	Không có dữ liệu.
<b>Áp suất hơi</b>	Không áp dụng
<b>Tỷ khối hơi</b>	Không áp dụng
<b>(Các) độ tan</b>	
<b>Tính tan (nước)</b>	Không tan trong nước . Partially soluble in toluene, chloroform and tetrahydrofurane
<b>Hệ số phân tách (n-octanol/nước)</b>	Không có dữ liệu.
<b>Nhiệt độ tự bốc cháy</b>	Không có dữ liệu
<b>Nhiệt độ phân hủy</b>	Không có dữ liệu.
<b>Độ nhớt</b>	Không áp dụng

<b>Thông tin khác</b>	Không có dữ liệu.
<b>Các tính chất oxy hóa</b>	Không có thông tin.
<b>Khối Lượng Riêng</b>	1.2 g/ml

## 10. Độ bền và khả năng phản ứng

<b>Khả năng phản ứng</b>	Không có dữ liệu.
<b>Độ bền hóa học</b>	Ổn định trong các điều kiện bảo quản bình thường.
<b>Khả năng gây phản ứng nguy hiểm</b>	Không có dữ liệu.
<b>Các điều kiện cần tránh</b>	Risk of dust explosion. Va đập và hư hỏng vật lý.
<b>Các vật liệu tương kỵ</b>	Không có thông tin.
<b>Các sản phẩm phân hủy gây nguy hiểm</b>	Chưa được biết.

## 11. Thông tin về độc tính

### Thông tin về các lộ trình tiếp xúc có khả năng xảy ra

<b>Hít phải</b>	Sử dụng đúng mục đích trong các điều kiện bình thường, vật liệu này không được xem là gây nguy hiểm khi hít phải.
<b>Tiếp xúc với da</b>	Tiếp xúc với da có thể dẫn đến kích ứng nhẹ.
<b>Tiếp xúc với mắt</b>	Tiếp xúc với mắt có thể gây nên kích ứng nhẹ.
<b>Ăn phải</b>	Việc nuốt vào bụng không phải là đường phơi nhiễm có thể.
<b>Triệu chứng liên quan đến tính chất vật lý, hóa học và độc tính.</b>	Không có dữ liệu.

### Thông tin về các tác dụng độc

**Độc tính cấp tính** Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại. LD50/oral/rat >5000 mg/kg

<b>Thành phần</b>	<b>Loài</b>	<b>Kết quả thử nghiệm</b>
<b>Chất nhuộm màu đen</b>		
<b>Cấp tính</b>		
<b>Qua Miệng</b>		
LD50	Chuột	> 10000 mg/kg
<b>Vật liệu và đồ gốm sứ, hóa chất</b>		
<b>Cấp tính</b>		
<b>Da</b>		
LD50	Thỏ	> 2500 mg/kg
<b>Hít phải</b>		
LC50	Chuột	> 2.3 mg/l, 4 Giờ > 0.888 mg/l
<b>Qua Miệng</b>		
LD50	Chuột	> 2000 mg/kg
<b>Ăn mòn/kích ứng da</b>	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại. Not a known irritant. (OECD 404)	
<b>Gây tổn thương mắt /kích ứng mắt nghiêm trọng</b>	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại. Not a known irritant. (OECD 405)	
<b>Gây mẫn cảm đường hô hấp hoặc da</b>		
<b>Gây mẫn cảm đường hô hấp</b>	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.	
<b>Gây mẫn cảm da</b>	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.	
<b>Khả năng gây đột biến tế bào mầm</b>	Âm tính, không cho thấy gây đột biến gen tiềm ẩn (Xét nghiệm Ames: Salmonella typhimurium) Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.	
<b>Khả năng gây ung thư</b>	Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.	
<p>Cacbon đen được phân loại là chất gây ung thư bởi IARC (chất gây ung thư có thể cho con người, Nhóm 2B) và bởi Tiểu bang California trong Tuyên bố 65. Trong đánh giá về cacbon đen, cả hai tổ chức cho biết sự phơi nhiễm với cacbon đen, về bản chất, không xảy ra khi chất này vẫn được liên kết trong ma trận sản phẩm, đặc biệt là cao su, mực hoặc sơn. Cacbon đen chỉ xuất hiện ở dạng liên kết trong trình bày này.</p> <p>Điôxit titan được IARC phân loại là chất gây ung thư Nhóm 2B (chất có khả năng gây ung thư cho con người). Phân loại IARC được dựa trên nồng độ cao của các hạt điôxit titan trong phổi động vật. Trong phạm vi sử dụng sản phẩm hộp mực này theo dự định, sự phơi nhiễm với điôxit titan thấp hơn nhiều.</p>		

## Các chất gây ung thư theo Hiệp Hội Vệ Sinh Công Nghiệp Hoa Kỳ (ACGIH)

Chất nhuộm màu đen (CAS Độc quyền)

A3 Chất đã được xác nhận là gây ung thư ở động vật nhưng không rõ có gây ung thư ở người hay không.

Titan dioxyt (CAS 13463-67-7)

A4 Không được phân loại là chất gây ung thư ở người.

## Các Chuyên Khảo Của Cơ Quan Nghiên Cứu Ung Thư Quốc Tế (IARC). Đánh Giá Tổng Thể Khả Năng Gây Ung Thư

Chất nhuộm màu đen (CAS Độc quyền)

2B Có thể gây ung thư cho người.

Titan dioxyt (CAS 13463-67-7)

2B Có thể gây ung thư cho người.

### Độc tích sinh sản

Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.

### Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau một lần tiếp xúc

Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.

### Độc tính đối với cơ quan tác dụng đặc hiệu đến sau lần tiếp xúc lại

Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.

### Hiểm họa hít phải

Căn cứ trên dữ liệu hiện có, thì không đạt tiêu chuẩn phân loại.

### Thông tin khác

Không có dữ liệu độc tính đầy đủ cho công thức cụ thể này  
Tham khảo Mục 2 về tác động sức khỏe tiềm ẩn và Mục 4 về các biện pháp sơ cứu.

Trong một nghiên cứu trên chuột (H.Muhle) bị phơi nhiễm qua đường hô hấp mãn tính với một loại mực thông thường, phát hiện thấy mức độ xơ hóa phổi nhẹ đến trung bình ở 92% số chuột trong nhóm phơi nhiễm nồng độ (16 mg/m<sup>3</sup>), và ghi nhận mức độ xơ hóa từ tối thiểu đến nhẹ ở 22% con vật trong nhóm phơi nhiễm trung bình (4 mg/m<sup>3</sup>). Nhưng không có thay đổi về phổi nào trong nhóm phơi nhiễm thấp nhất (1 mg/m<sup>3</sup>), mức độ phù hợp nhất với phơi nhiễm có khả năng xảy ra ở người.

## 12. Thông tin về sinh thái

### Độc tính sinh thái

Không có dữ liệu.

#### Thành phần

#### Loài

#### Kết quả thử nghiệm

Vật liệu và đồ gốm sứ, hóa chất

#### Dưới nước

##### Cấp tính

Cá

LC50

Cá

457 mg/l, 96 h

Lớp tôm cua

EC50 (nồng độ tác dụng 50%)

Invertebrates (Invertebrates)

1.9 mg/l, 48 h

Tảo

ErC50

Tảo

184.6 mg/l, 72 h

##### Lâu dài

Cá

EC50 (nồng độ tác dụng 50%)

Cá

0.151 mg/l, 7 d

LC50

Cá

1.94 mg/l, 16 d

### Độ Bền Và Khả Năng Phân Hủy

Không có dữ liệu.

### Khả năng tích tụ sinh học

Không có dữ liệu.

### Di chuyển trong đất

Không có dữ liệu.

### Các tác dụng có hại khác

Sản phẩm này vẫn chưa được thử nghiệm đối với các tác động sinh thái.

## 13. Các cân nhắc khi thải bỏ

### Các Hướng Dẫn Thải Bỏ

Thải bỏ tuân theo các quy định của liên bang, tiểu bang và địa phương. Không cất vụn hộp mực bột nếu không có các biện pháp phòng tránh nổ bụi. Không cho toner container vào lửa; heated toner có thể gây bỏng nặng. Không đốt. Không để vật liệu này chảy vào đường ống thoát nước/nguồn nước.

Chương trình tái chế cung ứng phẩm Planet Partners của HP (thương hiệu) cho phép thực hiện tái chế đơn giản, thuận tiện mực in phun gốc của HP và các cung ứng phẩm LaserJet. Để biết thêm thông tin và để xác định xem dịch vụ này có sẵn tại địa phương của bạn không, vui lòng truy cập <http://www.hp.com/recycle>.

### Chất thải từ cặn lắng/ sản phẩm không sử dụng

Không có dữ liệu.

### Bao bì bị ô nhiễm

Không có dữ liệu.

## 14. Thông tin về việc vận chuyển

### Bộ Giao Thông Vận Tải (DOT)

Không được quy định là hàng hóa nguy hiểm.

**IATA**

Không được quy định là hàng hóa nguy hiểm.

**IMDG**

Không được quy định là hàng hóa nguy hiểm.

**ADR**

Không được quy định là hàng hóa nguy hiểm.

**Thông tin khác**

Không phải là hàng hoá nguy hiểm theo DOT, IATA, ADR, IMDG hoặc RID.

**15. Thông tin về quy định****Các quy định quốc gia**

**Hóa chất cấm (Nghị định 113/2017/ND-CP, Phụ lục III, ngày 9 tháng 10 năm 2017), đã sửa đổi**

Không có trong danh mục.

**Hóa chất Sản xuất & Kinh doanh có Điều kiện (Nghị định 113/2017/ND-CP, Phụ lục I, ngày 9 tháng 10 năm 2017), đã sửa đổi**

Không có trong danh mục.

**Hóa chất Phải Khai báo (Nghị định 113/2017/ND-CP, Phụ lục V, ngày 9 tháng 10 năm 2017), đã sửa đổi**

Không được quy định.

**CWC (Nghị định số 38/2014/ND-CP, về quản lý hóa chất thuộc diện kiểm soát của công ước Cấm Phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học, Bảng 1-3, ngày 6 tháng 5 năm 2014), đã sửa đổi**

Không được quy định.

**Tiền chất ma túy (Nghị định 82/2013/ND-CP về việc Ban hành các Danh mục Chất ma túy và Tiền chất IV, đã được sửa đổi bởi Nghị định 126/2015/ND-CP, ngày 9 tháng 12 năm 2015), đã sửa đổi**

Không được quy định.

**Các Yêu Cầu về Kế Hoạch Phòng Ngừa, Ứng Phó Sự Cố & An Toàn cho Hóa Chất Nguy Hại (Nghị định 113/2017/ND-CP, Phụ lục IV, Bảng 1, ngày 9 tháng 10 năm 2017), đã sửa đổi**

Không có trong danh mục.

**Các chất làm suy giảm tầng ô-dôn (ODS) (Thông tư Liên tịch số 14/2005/TTLT-BTM-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2005), đã sửa đổi**

Không được quy định.

**Hóa chất Hạn chế Sản xuất & Kinh doanh (Nghị định 113/2017/ND-CP, Phụ lục II, ngày 9 tháng 10 năm 2017), đã sửa đổi**

Không có trong danh mục.

**Các quy định quốc tế**

Tất cả các hóa chất trong sản phẩm HP này đã được thông báo hoặc miễn trừ thông báo theo các luật về thông báo hóa chất ở các quốc gia sau: Hoa Kỳ (TSCA), Liên minh Châu Âu (EINECS/ELINCS), Thụy Sĩ, Canada (DSL/NDSL), Australia, Nhật Bản, Philippines, Hàn Quốc, New Zealand và Trung Quốc.

**Hiệp Ước Stockholm**

Không áp dụng.

**Hiệp Ước Rotterdam**

Không áp dụng.

**Nghị định thư Montreal**

Không áp dụng.

**Nghị định thư Kyoto**

Không áp dụng.

**Hiệp Ước Basel**

Không áp dụng.

**16. Thông tin khác, kể cả ngày soạn thảo hoặc sửa đổi**

**Ngày Ban Hành** 07-Tháng-Mười-Một-2019

**Ngày sửa đổi** 25-Tháng-Mười-2020

**Phiên bản số** 02

## Khước Từ Trách Nhiệm

Bảng Dữ liệu An toàn [Vật liệu] này được cung cấp miễn phí cho khách hàng của Công ty Hewlett-Packard. Dữ liệu là mới nhất đã biết được bởi Công ty Hewlett-Packard tại thời điểm soạn thảo tài liệu (M)SDS này và được coi là chính xác. Tài liệu này không được hiểu là đảm bảo các thuộc tính cụ thể của các sản phẩm như được mô tả hoặc tính thích hợp cho một ứng dụng cụ thể.

Bảng dữ liệu an toàn này có mục đích truyền tải thông tin về mực in HP (mực bột toner) có trong vật tư mực in gốc HP (mực bột toner). Nếu Bảng dữ liệu an toàn của chúng tôi được cung cấp cho bạn cùng với vật tư được nạp lại, sản xuất lại, tương thích hoặc không phải chính gốc HP, vui lòng lưu ý rằng thông tin trong tài liệu này không có ý nghĩa truyền tải thông tin về những sản phẩm như vậy và có thể có sự khác biệt đáng kể với thông tin trong tài liệu này và thông tin an toàn cho sản phẩm bạn đã mua. Vui lòng liên hệ với người bán vật tư được nạp lại, sản xuất lại hoặc tương thích để biết thông tin tương ứng, bao gồm thông tin về thiết bị bảo vệ cá nhân, các rủi ro phơi nhiễm và hướng dẫn xử lý an toàn. HP không chấp nhận vật tư được nạp lại, sản xuất lại hoặc tương thích trong các chương trình tái chế của chúng tôi.

## Thông tin về sửa đổi

1. Lai lịch sản phẩm và công ty : Alternate Trade Names

## Explanation of abbreviations

<b>Hiệp Hội Vệ Sinh Công Nghiệp Hoa Kỳ (ACGIH)</b>	American Conference of Governmental Industrial Hygienists
<b>CAS</b>	Chemical Abstracts Service
<b>Đạo Luật Tổng Quát về Đối Phó Bồi Thường và Trách Nhiệm Môi Trường (CERCLA)</b>	Đạo luật về Đền bù và Trách nhiệm Phản ứng với Môi trường Toàn diện
<b>CFR</b>	Bộ luật các quy định của liên bang
<b>COC</b>	Cốc Hở Cleveland
<b>Bộ Giao Thông Vận Tải (DOT)</b>	Department of Transportation
<b>EPCRA</b>	Emergency Planning and Community Right-to-Know Act (aka SARA)
<b>Cơ Quan Nghiên Cứu Ung Thư Quốc Tế (IARC)</b>	International Agency for Research on Cancer
<b>NIOSH</b>	Viện An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp Quốc gia
<b>Chương Trình Độc Chất Quốc Gia (NTP)</b>	National Toxicology Program
<b>Cơ Quan Quản Lý Sức Khỏe và An Toàn Nghề Nghiệp (OSHA)</b>	Cơ quan Quản lý An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp
<b>PEL</b>	Giới hạn phơi nhiễm cho phép.
<b>RCRA</b>	Resource Conservation and Recovery Act
<b>REC</b>	Recommended
<b>REL</b>	Recommended Exposure Limit
<b>SARA</b>	Superfund Amendments and Reauthorization Act of 1986
<b>STEL</b>	Short-Term Exposure Limit
<b>Thủ tục xác định độc tính nước rác(TCLP)</b>	Quy trình lọc tính chất độc tính
<b>TLV</b>	Giá trị giới hạn ngưỡng
<b>Đạo Luật Kiểm Soát Chất Độc (TSCA)</b>	Toxic Substances Control Act
<b>Hợp Chất Hữu Cơ Dễ Bay Hơi</b>	Các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi